

CHƯƠNG 1: KẾ TOÁN TIỀN (TIỀN MẶT, TIỀN GỬI NGÂN HÀNG)

Bài tập 1.

Tình huống. Công ty X, đầu kỳ có:

- + Tiền mặt (TK 111): **50.000.000**
- + Tiền gửi ngân hàng (TK 112): **300.000.000**

Trong tuần đầu tháng 1/20XX, phát sinh:

- + (02/01) Khách hàng thanh toán tiền mua hàng kỳ trước bằng **tiền mặt: 200.000.000**
- + (03/01) Chi **20.000.000** tiền mặt mua công cụ dụng cụ dùng ngay (hoặc nhập kho CCDC)
- + (04/01) Tạm ứng tiền mặt **30.000.000** cho nhân viên A
- + (05/01) Rút **50.000.000** từ ngân hàng về quỹ
- + (06/01) NV A thanh toán tạm ứng: chi thực tế **28.000.000** (có hóa đơn), còn **2.000.000** nộp lại quỹ
- + (07/01) NH trích **1.000.000** phí dịch vụ (chưa hạch toán)

Lời giải gợi ý

1. Định khoản

02/01: Thu tiền mặt từ khách

- + Nợ TK 111: 200.000.000
- + Có TK 131 (hoặc 511, 3331 nếu ghi nhận doanh thu tại thời điểm này, tùy trường hợp): 200.000.000

03/01: Mua CCDC bằng tiền mặt

- + Nợ TK 153 (hoặc Nợ TK 642 nếu chi thẳng) : 20.000.000
- + Có TK 111: 20.000.000

04/01: Tạm ứng cho NV A bằng tiền mặt

+ Nợ TK 141: 30.000.000

+ Có TK 111: 30.000.000

05/01: Rút tiền từ NH về quỹ

+ Nợ TK 111: 50.000.000

+ Có TK 112: 50.000.000

06/01: Thanh toán tạm ứng

+ Chi thực tế 28.000.000 (ví dụ mua NVL, CCDC, chi phí,...)

- Nợ TK 152 (hoặc 153, 642...): 28.000.000

- Có TK 141: 28.000.000

+ Số còn dư nộp lại quỹ: 2.000.000

- Nợ TK 111: 2.000.000

- Có TK 141: 2.000.000

07/01: Phí ngân hàng 1.000.000

+ Nợ TK 642 (hoặc 635): 1.000.000

+ Có TK 112: 1.000.000

2. Ghi Sổ Quỹ tiền mặt (TK 111)

Số dư đầu kỳ: 50.000.000

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK Đ.ư	Thu (Nợ 111)	Chi (Có 111)	Số dư
SDĐK		Số dư đầu kỳ				50.000.000
02/01	PT	Khách hàng	131	200.000.000		250.000.000

		thanh toán				
03/01	PC	Mua CCDC bằng tiền mặt	153		20.000. 000	230.000. 000
04/01	PC	Tạm ứng cho NV A	141		30.000. 000	200.000. 000
05/01		Rút tiền NH về quỹ	112	50.000. 000		250.000. 000
06/01	PT	NV A nộp lại tạm ứng (phần dư)	141	2.000.0 00		252.000. 000
07/01	-	Phí NH? (Không liên quan đến 111)	-			252.000. 000

Số dư cuối (07/01): 252.000.000

3. Ghi Sổ Tiền gửi ngân hàng (TK 112)

Số dư đầu kỳ: 300.000.000

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK Đ.ư	PS Nợ (VND)	PS Có (VND)	Số dư
SĐĐK		Số dư đầu kỳ				300.000.000
05/01	UNC	Rút tiền về quỹ	111		50.000.000	250.000.000
07/01	GB Nợ	Phí NH trừ TK	642		1.000.000	249.000.000

Số dư cuối (07/01): 249.000.000

Bài tập 2.

Tình huống

Đầu kỳ:

- + TK 1111 (tiền mặt VNĐ): 100.000.000
- + TK 1112 (tiền mặt USD): 2.000 USD, tỷ giá ghi sổ 23.500 VND/USD
(=> 47.000.000 VNĐ)

Ngày 10/01: Thu thêm 1.000 USD tiền mặt từ khách, tỷ giá thực tế 23.600 VND/USD

Ngày 11/01: Nộp 1.500 USD vào tài khoản ngoại tệ ngân hàng (TK 1122), ngân hàng áp dụng tỷ giá 23.550 VND/USD

Ngày 12/01: Ngân hàng trích 10 USD phí quản lý từ TK 1122. Tỷ giá thực tế 23.550 VND/USD

Cuối kỳ, tỷ giá 23.700 VND/USD. DN đánh giá lại số dư ngoại tệ (TK 1112, TK 1122).

Lời giải gợi ý

1. Xác định đầu kỳ

- + TK 1112: 2.000 USD, giá gốc = $2.000 \times 23.500 = 47.000.000$
- + TK 1122: 0 (giả sử đầu kỳ chưa có ngoại tệ ở ngân hàng)

2. Ngày 10/01: Thu 1.000 USD

- Do nhận 1.000 USD tiền mặt, tỷ giá giao dịch 23.600 $\Rightarrow$ Giá trị $1.000 \times 23.600 = 23.600.000$
- Định khoản (giả sử doanh thu bán hàng):
 - + Nợ TK 1112: 23.600.000 (tương đương 1.000 USD)
 - + Có TK 511 (hoặc 131,...): 23.600.000
- Sau giao dịch, TK 1112 có tổng 3.000 USD. Ta tính bình quân (nếu DN áp dụng):
 - + Tổng VND = $47.000.000$ (cũ) + $23.600.000$ (mới) = $70.600.000$
 - + Số USD = $2.000 + 1.000 = 3.000$ USD
 - + Tỷ giá bình quân mới $\approx 70.600.000 / 3.000 = 23.533,33$ VND/USD (làm tròn).

3. Ngày 11/01: Nộp 1.500 USD vào TK 1122

- Giá trị ghi Nợ TK 1122 = $1.500 \text{ USD} \times \text{tỷ giá NH áp dụng} = 1.500 \times 23.550 = 35.325.000$
- Giá trị ghi Có TK 1112 (xuất USD ra khỏi quỹ) = $1.500 \text{ USD} \times \text{tỷ giá bình quân } 23.533,33 = 35.299.995 \sim 35.300.000$
- Phần chênh lệch = $35.325.000 - 35.300.000 = 25.000 \Rightarrow$ Lãi tỷ giá
- Định khoản:

+ Nợ TK 1122: 35.325.000

+ Có TK 1112: 35.300.000

+ Có TK 515: 25.000

- Sau giao dịch:

+ Số dư TK 1112 còn: $3.000 - 1.500 = 1.500$ USD

• Giá gốc (VND) = $70.600.000 - 35.300.000 = 35.300.000$

• Tỷ giá bình quân vẫn xấp xỉ 23.533,33.

+ Số dư TK 1122: 1.500 USD, giá ghi sổ = 35.325.000.

4. Ngày 12/01: Phí 10 USD trừ tài khoản ngoại tệ (1122)

- Tỷ giá 23.550 $\Rightarrow$ Phí = $10 \times 23.550 = 235.500$

- Định khoản:

+ Nợ TK 642 (hoặc 635): 235.500

+ Có TK 1122: 235.500

- Số dư TK 1122 (sau nghiệp vụ này):

+ USD: $1.500 - 10 = 1.490$ USD

+ Giá gốc (VND): $35.325.000 - 235.500 = 35.089.500$

+ Tỷ giá bình quân (mới) = $35.089.500 / 1.490 \approx 23.550,00$

5. Cuối kỳ (đánh giá lại ở tỷ giá 23.700)

- TK 1112: còn 1.500 USD, giá gốc sổ hiện là 35.300.000 (tỷ giá $\sim$ 23.533,33).

+ Giá trị theo tỷ giá mới = $1.500 \times 23.700 = 35.550.000$

+ Chênh lệch = $35.550.000 - 35.300.000 = 250.000 \Rightarrow$ Lãi tỷ giá

• Nợ TK 1112: 250.000

• Có TK 515: 250.000

- TK 1122: còn 1.490 USD, giá gốc sổ 35.089.500 (tỷ giá $\sim$ 23.540).

+ Theo tỷ giá 23.700 $\Rightarrow$ $1.490 \times 23.700 = 35.313.000$

+ Chênh lệch = $35.313.000 - 35.089.500 = 223.500 \Rightarrow$ Lãi tỷ giá

- Nợ TK 1122: 223.500

- Có TK 515: 223.500

Bài tập 3.

Tình huống

Đầu kỳ (01/03): TK 112 = 150.000.000

Nghiệp vụ tháng 3:

- + 05/03: Chuyển khoản 20.000.000 nộp thuế GTGT
- + 10/03: Khách trả nợ bằng ủy nhiệm chi 50.000.000
- + 15/03: Chuyển khoản 8.000.000 trả tiền điện, nước
- + 20/03: Ngân hàng cộng lãi 300.000 (Giấy báo Có)
- + 25/03: Ngân hàng trừ phí 500.000 (Giấy báo Nợ)
- + 31/03: Chuyển khoản 10.000.000 trả nợ gốc vay

Lời giải gợi ý

1. Định khoản

05/03. Nộp thuế GTGT

- + Nợ TK 3331: 20.000.000
- + Có TK 112: 20.000.000

10/03. Khách trả nợ doanh nghiệp

- + Nợ TK 112: 50.000.000
- + Có TK 131: 50.000.000

15/03. Trả tiền điện, nước

- + Nợ TK 642 (hoặc 627 nếu phục vụ sản xuất...): 8.000.000

+ Có TK 112: 8.000.000

20/03. Thu lãi tiền gửi

+ Nợ TK 112: 300.000

+ Có TK 515: 300.000

25/03. Phí dịch vụ NH

+ Nợ TK 642 (hoặc 635): 500.000

+ Có TK 112: 500.000

31/03. Trả nợ vay gốc

+ Nợ TK 311 (hoặc 341...): 10.000.000

+ Có TK 112: 10.000.000

2. Theo dõi TK 112

Dư đầu: 150.000.000

Ngày	Nội dung	Ghi Nợ (PS Tăng)	Ghi Có (PS Giảm)	Số dư
01/03	Số dư đầu kỳ			150.000.000
05/03	Nộp thuế GTGT		20.000.000	130.000.000
10/03	Khách trả nợ (UNC Có)	50.0 00.000		180.000.000
15/03	Chuyển khoản trả điện		8.000.000	172.000.000

20/03	Lãi tiền gửi (GBC)	300.000		172.300.000
25/03	Phí NH (GBN)		500.000	171.800.000
31/03	Trả nợ vay gốc		10.000.000	161.800.000

Bài tập 4.

Tình huống

- + Dư đầu quỹ (TK111): 30.000.000
- + 01/04: Tạm ứng cho NV B 5.000.000 (tiền mặt)
- + 05/04: NV B hoàn tạm ứng, chi thực tế 3.500.000 (có chứng từ); dư 1.500.000 nộp lại quỹ
- + 10/04: Thu tiền mặt của khách 12.000.000
- + 15/04: Mua tài sản 10.000.000 trả ngay bằng tiền mặt
- + 20/04: Kiểm kê quỹ, kết quả khớp với sổ

Lời giải gợi ý

1. Định khoản

01/04. Tạm ứng

- + Nợ TK 141: 5.000.000
- + Có TK 111: 5.000.000

05/04. Hoàn tạm ứng

- + Phần chi thực tế:

- Nợ TK 152/153/642...: 3.500.000
 - Có TK 141: 3.500.000
- + Phần dư nộp lại quỹ:
- Nợ TK 111: 1.500.000
 - Có TK 141: 1.500.000

10/04. Khách hàng trả tiền mặt

- + Nợ TK 111: 12.000.000
- + Có TK 131 (hoặc 511,...): 12.000.000

15/04. Mua tài sản 10.000.000 (trả tiền mặt)

- + Nợ TK 211 (hoặc 153 nếu là CCDC, tùy): 10.000.000
- + Có TK 111: 10.000.000

20/04. Kiểm kê quỹ: Kết quả khớp => không có bút toán điều chỉnh.

2. Sổ quỹ tiền mặt (TK 111)

Số dư đầu: 30.000.000

Ngày	Diễn giải	Thu (Nợ 111)	Chi (Có 111)	Số dư
SDĐK	Số dư đầu kỳ			30.000.000
01/04	Tạm ứng NV B (PC)		5.000.000	25.000.000
05/04	NV B hoàn tạm ứng (PT - phần dư)	1.500.000		26.500.000
10/04	Thu tiền mặt	12.0		38.500.000

	từ khách (PT)	00.000		
15/04	Mua tài sản (PC)		10.0 00.000	28.500.000
20/04	Kiểm kê quỹ, không chênh lệch			28.5 00.000

Số dư cuối: 28.500.000

Kiểm kê quỹ (20/04) đúng 28.500.000 => không bút toán điều chỉnh.

Bài tập 5.

Tình huống: 30/05

- + Dư đầu ngày: TK 111 = 10.000.000
- + Phát sinh:
 - Khách hàng (Cty ABC) thanh toán 70.000.000 (tiền mặt)
 - Xuất quỹ 2.000.000 mua văn phòng phẩm
 - Thu nợ cá nhân (NV nợ công ty) 3.000.000
 - Tạm ứng cho NV C 5.000.000

Lời giải gợi ý

1. Viết Phiếu thu/chi (tóm tắt)

- + Phiếu Thu 1: Thu 70.000.000 từ khách
- + Phiếu Chi 1: Chi 2.000.000 mua VPP
- + Phiếu Thu 2: Thu 3.000.000 từ NV (hoàn nợ)
- + Phiếu Chi 2: Tạm ứng NV C 5.000.000

2. Định khoản

Khách hàng trả tiền mặt 70.000.000

- + Nợ TK 111: 70.000.000
- + Có TK 131 (hoặc 511,...): 70.000.000

Chi 2.000.000 mua VPP

- + Nợ TK 642: 2.000.000
- + Có TK 111: 2.000.000

Thu 3.000.000 từ nhân viên (nợ doanh nghiệp)

- + Nợ TK 111: 3.000.000
- + Có TK 138 (nếu là nợ phải thu nội bộ): 3.000.000

Tạm ứng 5.000.000 cho NV C

- + Nợ TK 141: 5.000.000
- + Có TK 111: 5.000.000

3. Sổ Quỹ cuối ngày (30/05)

Dư đầu: 10.000.000

Thời điểm	Nội dung	Thu (Nợ 111)	Chi (Có 111)	Số dư
Sáng	Dư đầu ngày			10.000.000
Sáng	Thu khách ABC	70.000.000		80.000.000
Sáng	Chi mua VPP		2.000.000	78.000.000
Chiều	Thu nợ của	3.00		81.000.000

	NV	0.000		
Chiều	Tạm ứng cho NV C		5.000.000	76.000.000

Số dư cuối ngày: 76.000.000